

Số: 38/2024/QĐST-HNGĐ

Đà Lạt, ngày 18 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84
Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 695/2024/TLST-
VHNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly
hôn, nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Anh **Mai Trường S**, sinh năm: 1992

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm
Đồng.

Hiện đang tạm trú tại: Số B, khu Quy hoạch N, Phường X, thành phố
Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người yêu cầu*: Chị **Nguyễn Ánh T**, sinh năm: 1996

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố B, thị trấn N, huyện L, tỉnh
Lâm Đồng.

Hiện đang tạm trú tại: Số T, đường L, Phường X, thành phố Đà Lạt,
tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Trường S và chị Nguyễn Ánh T xây
dựng gia đình với nhau vào năm 2021, trên cơ sở tình cảm, tự nguyện, có
đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh
Lâm Đồng. Sau khi kết hôn cả hai vợ chồng ít sống chung cùng nhau vì anh S
sống tại thành phố B còn chị T sống tại thành phố Đà Lạt nên không có sự
chia sẻ, thông cảm với nhau trong cuộc sống hàng ngày. Từ năm 2022 vợ
chồng anh S, chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất
đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau nên thường xuyên xảy ra cãi
vã, gây áp lực cho nhau về tinh thần làm ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con

chung và việc làm ăn kinh tế của gia đình. Vì vậy, cả hai đã tự sống ly thân nhau. Nay anh S và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên thống nhất thỏa thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh Sinh và chị Tuyết. Xét thấy, yêu cầu của anh Mai Trường S và chị Nguyễn Ánh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Mai Trường S và chị Nguyễn Ánh T.

[2] Về con chung: Anh Mai Trường S và chị Nguyễn Ánh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Mai Phúc H, sinh ngày 08/10/2021. Khi ly hôn anh S và chị T thống nhất thỏa thuận giao con chung là Mai Phúc H cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con anh S, chị T thống nhất để hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh S và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của anh S và chị T.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Mai Trường S và chị Nguyễn Ánh T cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Mai Trường S và chị Nguyễn Ánh T thỏa thuận nhận chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Trường S và chị Nguyễn Ánh T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Mai Trường S và chị Nguyễn Ánh T thống nhất thỏa thuận giao con chung là Mai Phúc H, sinh ngày 08/10/2021 cho chị Nguyễn Ánh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh S và chị T thống nhất để hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Mai Trường S và chị Nguyễn Ánh T cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Mai Trường S và chị Nguyễn Ánh T thỏa thuận nhận chịu 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ anh Sinh và chị T đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001284 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Anh S và chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- UBND thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc